

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28/6/2024.

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Anh.

2. Ông Huỳnh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Vạn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai: Ông Cao Kỳ Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ngọc L, sinh năm 1975;

Nơi cư trú: Tổ B, ấp B, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974;

Nơi cư trú: Tổ B, ấp B, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Bà L và ông T có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc L trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/8/2002. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn trong vấn đề tình cảm, không hợp

tính tính tình, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên từ đó dẫn tới thường xuyên cãi vã, gia đình không hạnh phúc và cả hai cũng đã nhiều lần ngồi lại với nhau tìm cách hàn gắn tình cảm để cùng chăm lo cho con cái nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, bà và ông T đã sống ly thân với nhau. Nay bà nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Văn Q, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Cẩm T1, sinh năm 1999. Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị Ngọc L tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/8/2002. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng gần đây thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng có sự cãi cự. Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông và bà L có 02 con chung tên Nguyễn Văn Q, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Cẩm T1, sinh năm 1999. Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Bà L và ông T trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

Về con chung: Bà L và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Văn Q, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Cẩm T1, sinh năm 1999. Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Văn T cư trú tại xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai, nên đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc Lệ t thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: bà Phạm Thị Ngọc L và ông Nguyễn Văn T đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà L và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai vào năm 2002, đã được Ủy ban nhân dân xã P cấp Giấy chứng nhận kết hôn, trên cơ sở tự nguyện. Căn cứ Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, hôn nhân giữa bà L và ông T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà L có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông T nên Tòa án áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông T xảy ra từ khoảng năm 2023 đến nay. Bà L cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột; nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Giữa hai vợ chồng đã tìm cách hòa giải, khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Quá trình giải quyết ông T thừa nhận vợ chồng ông đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, bà L xin ly hôn thì ông đồng ý.

Từ những nhận định trên, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông T là có thật, đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn có sự quan tâm, chăm sóc nhau, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà L, bà L được ly hôn với ông T.

[4] Về con chung: Bà L và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Văn Q, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Cẩm T1, sinh năm 1999. Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc L về việc ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Ngọc L được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Văn Q, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Cẩm T1, sinh năm 1999. Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Ngọc L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009389 ngày 16/4/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

3. Bản án được thi hành theo quy định tại các Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Phú Lý;
- VKS ND H. Vĩnh Cửu;
- THA DS H. Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Đại